

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng		
Mã học phần:	71SCMN40373	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SCMN40373		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO 1</b>	Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến; và phân loại các điều kiện Incoterms.	<b>TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM</b>	40%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận	4	PLO 2, 3
<b>CLO 2</b>	Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp	<b>TRẮC NGHIỆM</b>	30%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	3	PLO 2, 3
<b>CLO 4</b>	Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh các khía cạnh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi.	<b>TỰ LUẬN</b>	30%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và câu 1 của phần tự luận	3	PLO 6,7

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### Ví dụ:

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm, 10 câu hỏi)**

Phân loại theo hình thức, logistics gồm

- A. 1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL
- B. Logistics đầu vào, logistics đầu ra
- C. Logistics hàng tiêu dùng nhanh, logistics ngành ô tô, logistics hóa chất, logistics hàng điện tử, logistics dầu khí
- D. Logistics đơn giản, logistics phức tạp

ANSWER: A

Để giữ khách hàng, công ty cần phải thực hiện tốt nhất chất lượng dịch vụ khách hàng, chẳng hạn

- A. **TẤT CẢ CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG**
- B. Làm cho khách hàng tin tưởng vào khả năng phục vụ của mình và khiến họ tin rằng họ có thể được cung cấp dịch vụ như đã hứa
- C. Tạo niềm tin đối với khách hàng
- D. Làm cho khách hàng thoải mái

ANSWER: A

Đặc điểm của công nghệ RFID:

- A. **TẤT CẢ ĐỀU ĐÚNG**
- B. Đọc được dữ liệu từ xa
- C. Đọc được nhiều loại dữ liệu
- D. Lưu trữ được nhiều loại dữ liệu

ANSWER: A

Chuẩn EDI nào được dùng trong trao đổi dữ liệu điện tử của vận tải hàng không?

- A. **IATA CARGO-XML**
- B. SWIFT
- C. HL7
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Ứng dụng của RFID bao gồm:

- A. **Quản lý tồn kho**

- B. Theo dõi vị trí của phương tiện vận chuyên
- C. Trao đổi dữ liệu giữa các doanh nghiệp
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vận tải hàng không là:

- A. VẬN CHUYÊN HÀNG CÓ KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ TÍCH NHỎ, GIÁ TRỊ HÀNG HÓA CAO, RỦI RO TAI NẠN Ở MỨC ĐỘ THẤP, GIÁ THÀNH CAO**
- B. Vận chuyên hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa thấp, rủi ro tai nạn ở mức độ cao, giá thành cao
- C. Vận chuyên hàng có khối lượng và thể tích lớn, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp.
- D. Vận chuyên hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, giá trị hàng hóa cao, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành thấp

ANSWER: A

Với điều kiện FAS Incoterm 2020 người mua có nghĩa vụ:

- A. THUÊ TÀU THỦY VÀ TRẢ CƯỚC PHÍ VẬN TẢI TÀU THỦY**
- B. Trả cước phí vận tải tàu thủy
- C. Thuê tàu thủy
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Sự hợp thiêu hợp tác trong chuỗi cung ứng diễn ra khi nào

- A. CÁC MẮT XÍCH MÂU THUẤN VỚI NHAU**
- B. Thông tin chuyên trong chuỗi bị chậm
- C. Thông tin chuyên trong chuỗi sai lệch
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

ANSWER: A

Để có sự hợp tác trong chuỗi cung ứng, các mắt xích:

- A. PHẢI CHIA SẺ THÔNG TIN CỦA MÌNH VÀ CÂN NHẮC ẢNH HƯỞNG CỦA HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH TỚI NHỮNG MẮT XÍCH KHÁC**
- B. Cân nhắc ảnh hưởng của hành động của mình tới những mắt xích khác
- C. Không cần chia sẻ thông tin
- D. Cố gắng tối đa hóa lợi nhuận cho chính họ

Kho nào dùng để lưu trữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan đang chờ xuất khẩu; hoặc hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước khác hoặc nhập khẩu vào Việt Nam?

- A. KHO NGOẠI QUAN**
- B. Kho bảo thuế
- C. Kho công cộng
- D. Cross-docking

ANSWER: A

## **PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm, 2 câu hỏi)**

### **Câu hỏi 1: (5 điểm)**

Công ty MSN chuyên sản xuất quần áo thời trang. Nhu cầu hàng năm của công ty là 97.000 sản phẩm với chi phí đặt hàng 1 lần 11 USD/lần. Chi phí lưu kho là 1,2 USD/sản phẩm/năm.

Công ty làm việc 280 ngày/năm

Hãy xác định:

- a. Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)?

- b. Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng bao nhiêu lần một năm?  
 c. Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?  
 d. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?

**Câu hỏi 2: (1 điểm)**

Liệt kê đầy đủ các điều kiện incoterm 2020 mà có thể dùng cho vận tải đường hàng không

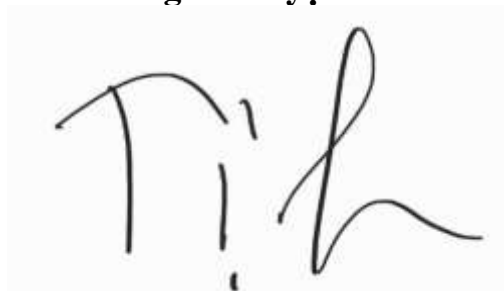
**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1 – 10		0.4	
<b>II. Tự luận</b>		<b>6.0</b>	
Nội dung 1	<p><b>Tóm tắt đề bài:</b></p> <p>Nhu cầu hàng năm: <math>D = 97.000</math> sản phẩm (0,25đ)            Chi phí đặt hàng: <math>S = 11</math> USD/lần (0,25đ)            Chi phí lưu kho: <math>H = 1,2</math> USD/sản phẩm/năm (0,25đ)            Ngày làm việc 1 năm: <math>N = 280</math> ngày (0,25đ)</p> <p>a. Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)?</p> $EOQ = \sqrt{2 \times S \times D / H} \quad (0,25đ)$ $= \sqrt{2 \times 97.000 \times 11 / 1,2} \quad (0,25đ)$ $= 1.333,54 \text{ sản phẩm} \quad (0,25đ)$ <p>b. Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng bao nhiêu lần một năm?</p> $\text{Số lần đặt hàng một năm} = D / EOQ \quad (0,25đ)$ $= 97.000 / 1.333,54 \quad (0,25đ)$ $= 72,73 \text{ lần} \quad (0,25đ)$ <p>c. Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?</p> <p>Khoảng cách thời gian giữa 2 lần đặt hàng = Số ngày làm việc / số lần đặt hàng (0,25đ)</p> $= 280 / 72,73 \quad (0,25đ)$ $= 3,84 \text{ ngày} \quad (0,25đ)$ <p>d. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?</p> $\text{Chi phí đặt hàng} = D \times S / EOQ \quad (0,25đ)$ $= (97.000 \times 11) / 1.333,54 \quad (0,25đ)$ $= 800,12 \text{ USD} \quad (0,25đ)$ $\text{Chi phí lưu kho} = EOQ \times H / 2 \quad (0,25đ)$ $= (1.333,54 \times 1,2) / 2 \quad (0,25đ)$ $= 800,12 \text{ USD} \quad (0,25đ)$ $\text{Tổng chi phí} = 800,12 + 800,12 = 1600,24 \text{ USD} \quad (0,25đ)$	5.0	

Nội dung 2	<p>Sinh viên phải trả lời đầy đủ các đáp án dưới đây. Thiếu 1 đáp án, trừ 0,25 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CPT</li> <li>- CFR</li> <li>- CIF</li> <li>- CIP</li> <li>- DAP</li> <li>- DPU</li> <li>- DDP</li> </ul> <p>Trường hợp sinh viên ghi toàn bộ các điều kiện incoterm 2020 (11 điều kiện) thì chỉ được tối đa 0,25 điểm cho câu này.</p>	1.0	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**Người duyệt đề**



**Th.S Nguyễn Việt Tịnh**

**Giảng viên ra đề**



**Nguyễn Minh Đức**